

Bản án số: 25/2018/DS-PT

Ngày: 25/01/2018

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay,
mượn tài sản và nợ hụi”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọt.

Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế.

Ông Huỳnh Đức Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLPT- DS ngày 20/9/2017 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay, mượn tài sản và nợ hụi”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 14/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐPT-DS, ngày 05/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà C, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà H, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2.2 Ông L, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà C trình bày:

Bà và bà H là chỗ quen biết và cũng thân nhau nên bà có cho bà H và ông L (Chồng H) vay, mượn tiền tổng cộng là 97.500.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Ngày 06/5/2014 cho vay 30.000.000 đồng, tiền lãi 1.600.000đồng/tháng. Từ khi vay, H, L đã trả được 3 tháng tiền lãi là 4.800.000đồng;

+ Ngày 13/12/2015 cho mượn 64.000.000 đồng;

+ Ngày 06/12/2015 cho mượn 3.500.000 đồng.

Đối với tiền mượn, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là khi nào bà cần thì H, L phải trả.

Mặt khác H còn nhờ bà đứng ra chơi hội dùm của hai chủ hội là bà TC và bà DH. Sau khi hốt hội bà có đưa tiền cho H nhưng sau đó H không đóng nên bà phải đóng thay tổng cộng là 129.590.000, cụ thể như sau:

+ Dây 1: Do bà TC làm chủ hội, có 25 người tham gia, loại hội 2.000.000 đồng, một tháng khai một lần. Bắt đầu khai ngày 15/4/2015, kết thúc ngày 15/4/2017. H đóng được 7 lần, bà đã đóng thay cho H được 17 lần là 34.000.000 đồng.

+ Dây 2: Do bà TC làm chủ hội, có 17 người tham gia, loại hội 1.000.000 đồng, một tháng khai một lần. Bắt đầu khai ngày 15/7/2015, kết thúc ngày 15/12/2016. H đóng được 2 lần, bà đã đóng thay cho H được 14 lần là 14.000.000 đồng.

+ Dây 3: Do bà TC làm chủ hội, có 18 người tham gia, loại hội 1.000.000 đồng, một tháng khai một lần. Bắt đầu khai ngày 30/6/2015, kết thúc ngày 30/11/2016. H đóng được 3 lần, bà đã đóng thay cho H được 14 lần là 14.000.000 đồng.

+ Dây 4: Do bà TC làm chủ hội, có 20 người tham gia, loại hội 1.000.000 đồng, một tháng khai một lần. Bắt đầu khai ngày 10/4/2015, kết thúc ngày 10/11/2016. H đóng được 9 lần, bà đã đóng thay cho H được 10 lần là 10.000.000 đồng.

+ Dây 5: Do bà TC làm chủ hội, có 20 người tham gia, loại hội 500.000 đồng, một tháng khai một lần. Bắt đầu khai ngày 20/4/2015, kết thúc ngày 20/11/2016. H đóng được 3 lần, bà đã đóng thay cho H được 16 lần là 8.000.000 đồng.

+ Dây 6: Do bà DH làm chủ hội, có 21 người tham gia, loại hội 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần. Bắt đầu khai ngày 30/3/2015, kết thúc ngày 15/12/2016. Bà đã đóng thay cho H được 20 lần là 10.000.000 đồng.

- Dây 7: Do bà DH làm chủ hội, có 24 người tham gia, loại hội 1.000.000 đồng, nửa tháng khai một lần. Bắt đầu khai ngày 25/9/2015, kết thúc ngày 25/9/2016. H đóng được 3 lần là 3.000.000 đồng và 410.000 đồng, bà đã đóng thay cho H được 20 lần là 19.590.000 đồng.

+ Dây 8: Do bà DH làm chủ hội, có 24 người tham gia, loại hội 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần. Bắt đầu khai ngày 08/8/2015, kết thúc ngày 08/8/2016. H đóng được 1 lần, bà đã đóng thay cho H được 22 lần là 11.000.000 đồng.

+ Dây 9: Do bà DH làm chủ hội, có 24 người tham gia, loại hội 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần. Bắt đầu khai ngày 20/5/2015, kết thúc ngày 20/5/2016. H đóng được 5 lần, bà đã đóng thay cho H được 18 lần là 9.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hội H còn nợ bà là 129.590.000 đồng.

Đối với tiền nợ hui và tiền mượn thì bà giao trực tiếp cho H, hai bên thỏa thuận sau khi mãn hui sẽ trả nhưng H không trả như đã hứa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu H, L trả cho bà số tiền vay, mượn là 97.500.000 đồng và tiền nợ hui là 129.590.000 đồng, tổng cộng là 227.090.000 đồng. Đồng thời không yêu cầu tính lãi và lãi chậm trả đối với nghĩa vụ chậm trả tiền của H và L.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông L trình bày: Ngày 06/5/2014 ông và vợ là bà H có vay của C 30.000.000 đồng, tiền lãi là 80.000 đồng/ngày nhưng đã trả rồi, biên nhận C nhận tiền do H đang giữ. Ngoài ra ông không có mượn tiền hay nợ hui của C nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của C.

Đối với bị đơn bà H: Kể từ khi thụ lý sơ thẩm cũng như phúc thẩm, H không trả lời Thông báo thụ lý của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa, đồng thời không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thay đổi lời trình bày về việc cho mượn thành cho vay đối với khoản nợ 30.000.000 đồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh quan hệ pháp luật trong giải quyết vụ án.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 53/2017/DS-ST, ngày 14/8/2017 đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3, Điều 26; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 479; Điều 512; Điều 513; Khoản 3, Điều 514; Điều 517 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357; Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà C.

Buộc bà H và ông L trả cho C 30.000.000 đồng tiền vay;

Buộc bà H trả cho C 67.500.000 đồng tiền mượn và 129.590.000 đồng tiền nợ hui, tổng cộng là 197.090.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2017 bị đơn ông L kháng cáo bản án số 53/2017/DS-ST ngày 14/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện K. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm giải quyết theo hướng không công nhận số tiền nợ 30.000.000đ mà C yêu cầu, vì số tiền này ông và H đã trả cho C rồi và biên nhận nhận tiền của C hiện nay H đang giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau

về việc giải quyết vụ án.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn bà H vắng mặt, tuy nhiên H không có kháng cáo, H cũng có lời khai trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của H cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt H.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông L nhận thấy:

[2.1] Tại đơn kháng cáo, L thừa nhận ông và vợ ông là bà H có vay của nguyên đơn bà C số tiền là 30.000.000 đồng, nhưng ông cho rằng vợ chồng ông đã trả cho C xong; khi ông và H trả tiền cho C thì C có làm biên nhận nhận tiền, biên nhận hiện nay do H cất giữ. Tại biên bản ghi lời khai do Cơ quan Điều tra Công an huyện K lập ngày 15/01/2016, H trình bày bà có mượn của C số tiền là 30.000.000 đồng nhưng đã trả xong. Khi mượn tiền thì bà có làm biên nhận nhận tiền của C, biên nhận đề ngày 8/4/2014; khi bà trả tiền thì chỉ xóa biên nhận mà bà đã giao cho C, bà không có lấy lại biên nhận, biên nhận C cung cấp là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngày 30/11/2017 L có cung cấp một tờ giấy trên đó có ghi dòng chữ “*Vợ chồng Hà có đưa cho tôi bằng 22.000.000 ngày . 9 âl 20014 viết bằng chữ là hai mươi hai triệu Hồng Châu*”. Theo L cho rằng khi vợ chồng ông trả cho C 22.000.000 đồng trong số nợ 30.000.000 đồng thì C đã viết giấy nêu trên đưa cho vợ chồng ông với nội dung như đã nêu. C không thừa nhận có nhận tiền và những chữ viết nêu trên không phải là do bà viết. Từ đó, L đã có yêu cầu giám định chữ viết của C.

[2.2] Tại Kết luận giám định số 416/PC54-GĐ ngày 27/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng đã kết luận chữ viết các dòng chữ nêu trên so với chữ viết trên Biên bản lấy mẫu chữ viết của bà C do Tòa án trực tiếp thực hiện ngày 30/11/2017 là do cùng một người viết ra. Từ kết luận này đã có đủ cơ sở xác định trong khoản nợ 30.000.000 đồng vay ngày 06/5/2014 ông L, H đã trả lãi được 03 tháng lãi bằng 4.800.000 đồng và tiền vốn là 22.000.000 đồng vào tháng 9 năm 2014 âl. Do C không có yêu cầu tính lãi tiếp và L cũng không có yêu cầu tính lại phần tiền lãi đã trả, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đặt ra tính lại đối với phần tiền lãi bị đơn đã trả. Như vậy, số tiền vốn còn lại trong khoản nợ này là 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/01/2018 C thừa nhận H có trả 22.000.000 đồng như đã nêu, nhưng trả vào khoản nợ khác; C không chứng minh được khoản nợ khác là khoản nợ nào, do đó lời trình bày của C không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H và ông L trả cho C 30.000.000 đồng tiền vay là chưa đúng với thực tế về phần tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Cho nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của L, đồng thời căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích ở phần trên.

[4] Do bản án sơ thẩm bị cải sửa, nên cần điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

[5] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo,

kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về kháng cáo của L, xét thấy bị đơn L đã chứng minh được việc có trả cho C số tiền 22.000.000 đồng, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của L và căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm theo hướng khấu trừ số tiền 22.000.000 đồng mà bị đơn đã trả vào khoản tiền vay 30.000.000 đồng ngày 06/5/2014, và chỉ buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn lại là 8.000.000 đồng trong khoản tiền vay nêu trên là phù hợp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 293, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, khoản 6 Điều 313 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 479, 512, 513, Khoản 3 Điều 514, Điều 517 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông L.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C.

Buộc bà H và ông L trả cho C số tiền 8.000.000 đồng tiền vay;

Buộc bà H trả cho C số tiền 67.500.000 đồng tiền mượn và 129.590.000 đồng tiền nợ hui, tổng cộng là 197.090.000 đồng.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu Thi hành án đối với số tiền 205.090.000 đồng, thì hàng tháng L và H còn phải trả cho C phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm Thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà C phải chịu là 1.100.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.677.250 đồng, theo biên lai thu số 0005679, ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án huyện K, như vậy C được nhận lại số tiền còn thừa là 4.577.250 đồng, nhận tại Chi cục Thi hành án huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông L và bà H phải chịu là 400.000 đồng.

Bị đơn bà H phải chịu là 9.854.500 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông L không phải chịu, trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007635 ngày 22/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Chi phí giám định chữ viết: Nguyên đơn bà C phải chịu là 2.295.000 đồng, do L đã nộp tại ứng trước nên C có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 2.295.000 đồng này cho L.

- Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu HSVÀ, TDS.

Nguyễn Văn Ngọt